TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG - TP.HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/1/2021
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Lại Nguyệt Ánh**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Hà
Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Quang Đạo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 1 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 688/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 1 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Bích N - sinh năm: 1983
HKTT: Z, P X, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Trú tại: số A ngách B ngõ C, phường M, quận Đống Đa, Hà Nội.

(*có mặt tại phiên tòa*)

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc V – sinh năm: 1982
HKTT và trú tại : Z, P X, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

(*vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Bích N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc V lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường X (nay là phường K) năm 2004 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau, trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống tại số Z, P X, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh Nguyễn Ngọc V. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, không ai quan tâm đến ai, chồng chị sống vô trách nhiệm với gia đình. Do vợ chồng mâu thuẫn nhau nên năm 2015 chị bỏ nhà đi đến năm 2018 vì con chị lại quay trở về nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện nên đến tháng 8/2019 chị đã chuyển ra ngoài sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

**Về con*: vợ chồng có 01 con chung là con gái: Nguyễn Phương A – sinh ngày: 08/10/2004, sức khỏe bình thường hiện đang sống cùng bố và ông bà nội. Chị đồng ý để anh V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho đến năm con chung đủ tuổi trưởng thành do chị chưa có công việc và chỗ ở ổn định . Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Hiện chị đang làm tự do, thu nhập trung bình 6 – 7 triệu đồng một tháng.

**Về tài sản, nhà ở và công nợ: Chị xác định vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Vinh không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ văn bản nào gửi cho Tòa án nên Tòa án không có bản tự khai của anh V.

Tại phiên tòa,

Chị Hồ Thị Bích N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc V và giữ nguyên các yêu cầu khác .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào nội dung vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N đối với anh V. Chị Hồ Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc V.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương A – sinh ngày: 08/10/2004 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Chị N được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về thẩm quyền: Qua xác minh bị đơn anh Nguyễn Ngọc V có hộ khẩu thường trú và hiện ở Z, P X (nay là phường K), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Ngọc V thông qua bố mẹ đẻ của anh V cùng chung sống tại địa chỉ Z, P X, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Bố mẹ anh V cũng xác nhận việc các văn bản tố tụng Tòa tống đạt họ đều giao trực tiếp cho anh Nguyễn Ngọc V. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 18/1/2021 nhưng phải hoãn do vắng mặt anh V không có lý do. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh V Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/1/2021 nhưng anh V vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vắng mặt anh V.

[2] **Về nội dung**:

Chị Hồ Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc V lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường X(nay là phường K) vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn năm 2005 nguyên nhân theo chị N do không hợp nhau bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập chứng cứ như sau:

Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Thanh X – bố mẹ đẻ anh Nguyễn Ngọc V – thể hiện: Anh Nguyễn Ngọc V và chị Hồ Thị Bích Nmâu thuẫn nhau nên chị N đã ra ngoài sinh sống từ tháng 8/2019 cho đến nay. Theo ông bà anh chị mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp nhau, do khó khăn về kinh tế. Quá trình anh chị chung sống với nhau không được hạnh phúc. Gia

đình đã nhiều lần hòa giải hai vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương anh chị không vi phạm vấn đề gì gây ảnh hưởng đến trật tự địa phương vì anh chị là những người sống kín đáo. Tuy nhiên, đến tháng 8/2019 do mâu thuẫn nên chị N bỏ đi sống nơi khác, không ở cùng anh V cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Nay chị N gửi đơn ra Tòa xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bản thân chị N xác nhận không còn tình cảm vợ chồng đối với anh V nên chị đã phải ra ngoài sống ly thân với anh V từ tháng 8/2019 đến nay. Mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Như vậy, hôn nhân của chị N và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Phương A – sinh ngày: 08/10/2004, sức khỏe bình thường.Hiện cháu đang ở với bố và ông bà nội.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cháu Phương A hiện đang ở với bố và ông bà nội, sức khỏe tốt. Bố mẹ đẻ anh V cũng xác nhận anh V kinh doanh tự do thu nhập khá ổn định, có đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung và đồng ý để bố con anh V ăn ở sinh sống tại Z, P X(nay là phường K) Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mặt khác, chị N cũng đồng ý để anh V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xét, kể từ khi chị N chuyển ra ngoài sinh sống, cháu Phương A vẫn ở với bố, tình trạng sức khỏe bình thường. Xác minh tại địa phương cho thấy anh V có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phương A. Tại đơn đề nghị cháu Phương A cũng có nguyện vọng xin được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, xét giao con chung cho anh Nguyễn Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Chị N hiện đang làm lao động tự do thu nhập trung bình 6 – 7.000.000 đồng/tháng nên việc chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành cần được ghi nhận.

Các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con

trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương A.

Về tài sản, nhà ở và công nợ: Chị N xác nhận anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V không có bất kỳ văn bản nào yêu cầu giải quyết về phần tài sản, nhà ở và công nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "án phí và lệ phí Tòa án" và khoản 4 Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273– Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147;Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hồ Thị Bích N đối với anh Nguyễn Ngọc V. Chị Hồ Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc V.

2.Về con chung: Giao anh Nguyễn Ngọc V (bố đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Phương A – sinh ngày: 08/10/2004 kể từ tháng 1/2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/ tháng (ba triệu đồng một tháng) kể từ tháng 1/2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương A.

3. Về tài sản, nhà ở chung: Hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xét.

4. Về công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 3607 ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà

Trưng, thành phố Hà Nội. Chị N phải nộp thêm 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát Q. Hai Bà Trưng;*
- *Thi hành án Q. Hai Bà Trưng;*
- *Tòa án nhân dân TP Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Nguyệt Ánh